

しゅうがくし えん きん せい ど しん せい ほう ほう 就学支援金制度の申請方法

(課税証明書等により申請する方)

以下の提出書類のうち「**ウ 課税(非課税)証明書**」については、お住いの市区町村の税担当部署で発行を受けることができますが(有料)、これに加えて、補足の証明書も必要となるため、発行を受ける際は、**別添の「高等学校等就学支援金に係る課税証明書(補足)の発行について」を市区町村の窓口**に提示してください。

◆ 提出する書類

- ◇ 次の書類を、配付した封筒に入れて提出してください。
 - 1 就学支援金確認票
 - 2 高等学校等就学支援金受給資格認定申請書(様式第1号・その2)
 - 3 令和2年度の課税証明書等(次のア～エに掲げるいずれかの書類)
保護者全員(父母がいる場合は、2人分)の書類が必要です。
 - ア 令和2年度市町村民税・県民税特別徴収税額通知書のコピー
 - ※ 調整控除の額が確定できない場合があるため、追加の提出書類を求める可能性があります。
 - イ 令和2年度市町村民税・県民税税額決定・納税通知書のコピー
 - ウ 令和2年度市町村民税・県民税課税(非課税)証明書の原本又はコピー
 - エ 生活保護受給証明書の原本(令和2年(2020年)1月1日時点で生活保護を受給していることが確認できるもの)
 - 4 保証書
- ※ 「個人番号カード等のコピー貼付台紙」と「保護者の顔写真付き身分証明書のコピー」を提出する必要はありません。

◆ 提出期限

令和3年 月 日

◆ 就学支援金確認票の記載について

- ◇ 確認事項2の「 その他()」に、「課税証明書等●名分」と記載してください。

確認事項2
提出書類をご確認ください。
【提出書類(申請しない場合)】 <input type="checkbox"/> 就学支援金確認票(本用紙) <input type="checkbox"/> 保証書 記入はここまでです。 確認事項3以降は、記入不要です。
【提出書類(申請する場合)】 <input checked="" type="checkbox"/> 就学支援金確認票(本用紙) <input checked="" type="checkbox"/> 高等学校等就学支援金受給資格認定申請書 <input type="checkbox"/> 個人番号カード等のコピー貼付台紙 <input type="checkbox"/> 【生活保護受給世帯の方のみ】生活保護受給証明書の原本 <input type="checkbox"/> 保護者の顔写真付き身分証明書のコピー ※ 生徒本人が提出書類一式を直接提出する場合、身分証明書のコピーは不要です。 <input checked="" type="checkbox"/> 保証書 <input checked="" type="checkbox"/> その他(課税証明書等2名分)

Cách thức Làm Đơn Xin Hưởng Quy Chế Quỹ Hỗ Trợ Học Đườn

(Dành cho người làm đơn qua chứng minh thư thuế khóa)

Trong các giấy tờ nộp ở dưới, về 「ウ Giấy Chứng Minh Thuế Khóa (hoặc Miễn Thuế)」, quý vị có thể đến Phòng trách nhiệm thuế vụ của cơ quan hành chính địa phương nơi cư ngụ để lấy (có lệ phí), sẽ cần thêm giấy tờ bổ túc, do đó, khi đến đó lấy giấy tờ, hãy trình cho văn phòng cơ quan hành chính địa phương văn bản đính kèm 「Về việc Cấp Phát Giấy Chứng Thuế Khóa (Bổ Túc) Liên Quan Đến Quỹ Hỗ Trợ Tài Chính Học Đườnng Bạc trường trung học (Cấp 3)」.

◆ Giấy tờ phải nộp

◇ Xin nộp cho văn phòng những loại giấy tờ sau:

- 1 Phiếu Xác Nhận Hỗ Trợ Tài Chánh Học Đườnng
- 2 Đơn xin chứng nhận tư cách Quỹ Hỗ Trợ Tài Chánh Học Đườnng bậc Koko (Mẫu Số 1 / phần 2)
- 3 Các giấy chứng minh về thuế khóa của tài khóa năm 2020 (Một trong những loại giấy tờ ở các hạng mục ア～エ dưới đây)

Cần giấy tờ cho tất cả phụ huynh (hoặc cả hai nếu bạn có cha mẹ).

ア. Bản copy thông tri về trưng thu số tiền thuế cư trú cấp thị xã · cấp tỉnh tài khóa năm 2020.

※ Trong một số trường hợp, khoản khấu trừ điều chỉnh không thể được quyết toán, vì vậy chúng tôi yêu cầu nộp các tài liệu khác.

イ. Bản copy thông tri nộp thuế và quyết định số tiền thuế cư trú cấp thị xã · cấp tỉnh tài khóa năm 2020.

ウ. Bản chính hay copy giấy chứng minh thuế khóa (miễn nộp thuế) về thuế cư trú cấp thị xã · cấp tỉnh tài khóa năm 2020.

エ. Bản chính giấy Chứng Minh Nhận Trợ Cấp Xã Hội (Giấy tờ có thể xác minh việc đang nhận trợ cấp xã hội ở vào thời điểm ngày 1 tháng 1 năm 2020)

4 Giấy bảo lãnh

※ Không cần nộp [Giấy đính kèm bản copy Thẻ Mã Số Cá Nhân v.v...] và [Bản copy giấy chứng minh cá nhân có hình chân dung của người bảo hộ]

◆ Thời hạn nộp

Ngày (日), Tháng (月), Năm 2021

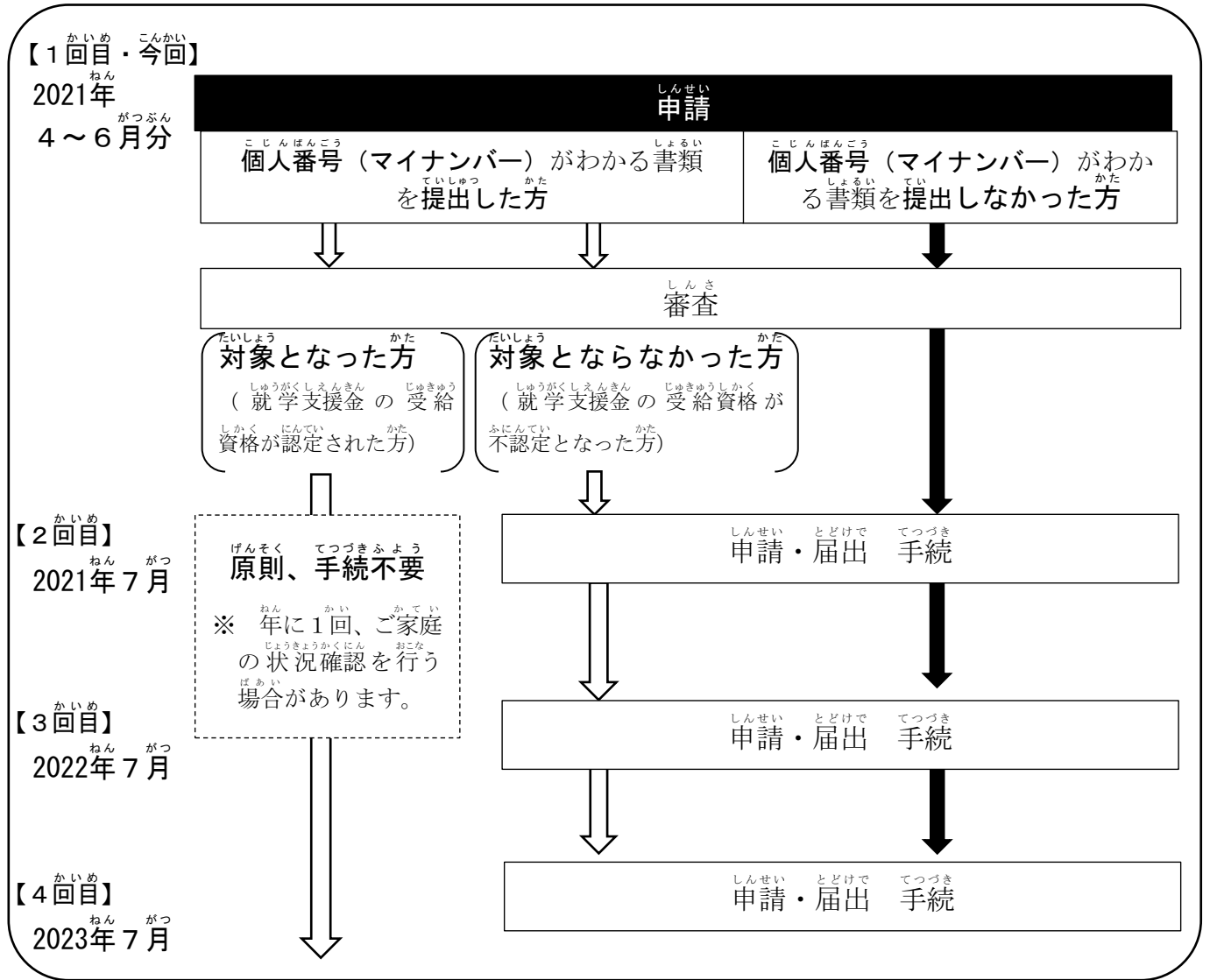
◆ Việc điền vào Phiếu Xác Nhận Chính Sách Hỗ Trợ

◇ Ở mục Xác Nhận 2, xin ghi bằng tên gọi của Giấy Chứng Thuế Khóa vào trong ngoặc đơn ở phần 「□ その他 ()」

確認事項2
提出書類をご確認ください。
【提出書類(申請しない場合)】 <input type="checkbox"/> 就学支援金確認票 (本用紙) <input type="checkbox"/> 保証書 記入はここまでです。 確認事項3以降は、記入不要です。
【提出書類(申請する場合)】 <input checked="" type="checkbox"/> 就学支援金確認票 (本用紙) <input checked="" type="checkbox"/> 高等学校等就学支援金受給資格認定申請書 <input type="checkbox"/> 個人番号カード等のコピー貼付台紙 <input type="checkbox"/> 【生活保護受給世帯の方のみ】生活保護受給証明書の原本 <input type="checkbox"/> 保護者の顔写真付き身分証明書のコピー ※ 生徒本人が提出書類一式を直接提出する場合、身分証明書のコピーは不要です。 <input checked="" type="checkbox"/> 保証書 <input checked="" type="checkbox"/> その他 (課税証明書等 2名分)

◆ 今後の手続き

- ◇ 就学支援金の対象となった方もならなかった方も、毎年7月の手続きが必要（全日制は2回目～4回目、定時制は2回目～5回目）になります。
- ◇ 毎年7月に課税証明書等をご用意いただき、別途お知らせする提出期限までに、学校に申請をしていただく必要があります。
- ◇ 提出期限までに提出がなかった場合は、就学支援金の対象であっても、受給することができない場合があります。

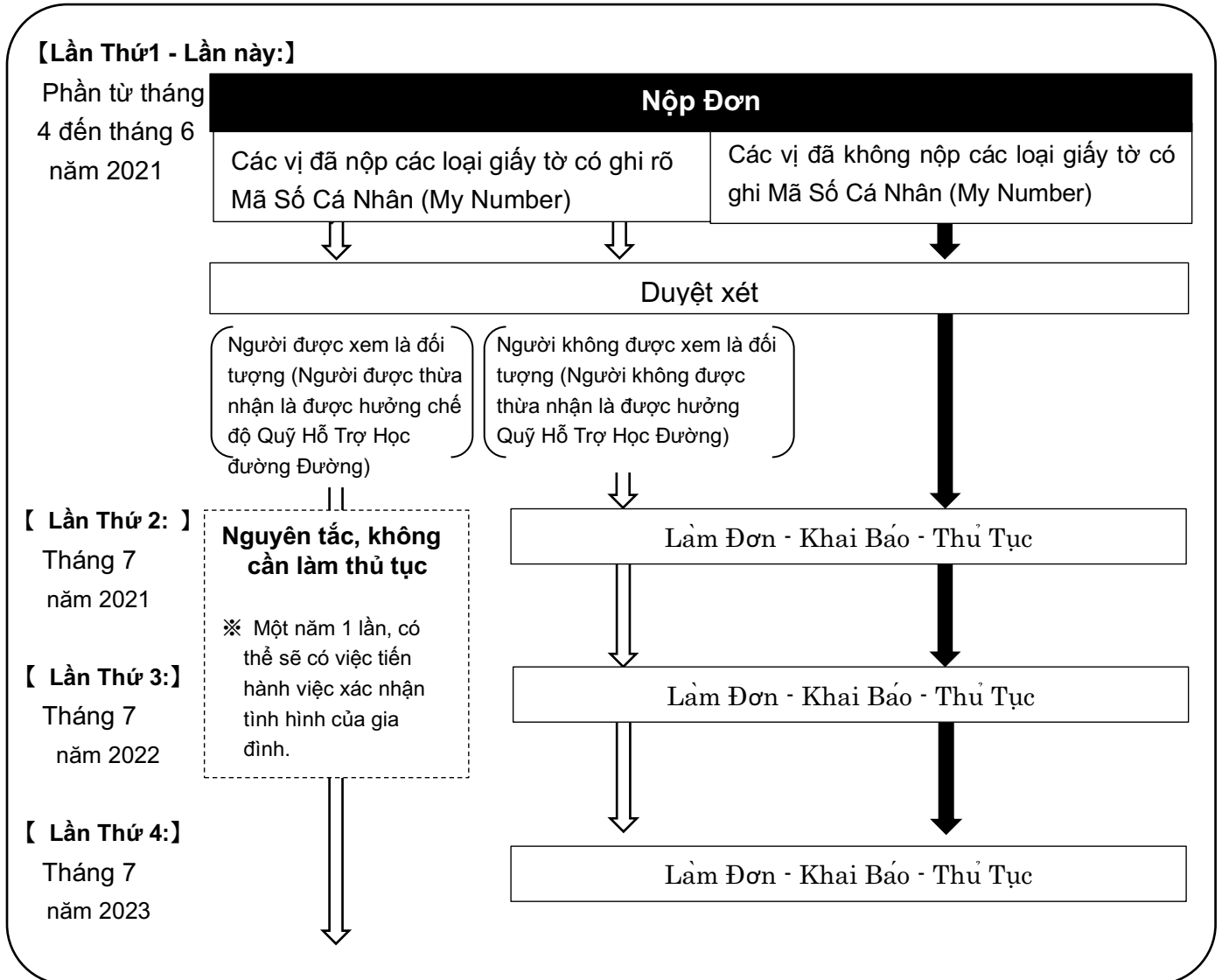


【参考：個人番号（マイナンバー）がわかる書類を提出すると・・・】

- 個人番号（マイナンバー）がわかる書類を提出し、就学支援金の対象となった方は、ご家庭の事情が変わらない限り、卒業まで原則申請手続きは不要となります。
- 県教育委員会が個人番号（マイナンバー）を使って税額の確認を行い、対象であるかどうかを審査するので、手続きの手間、手続き忘れがなくなります。
- 県教育委員会が個人番号（マイナンバー）を使って税額の確認を行い、対象であるかどうかを審査するので、課税証明書等をご用意いただく必要がなくなります。

◆ Những thủ tục về sau này

- ◇ Học sinh cho dù có là đối tượng của chính sách Hỗ Trợ Học Đường, và ngay cả học sinh không là đối tượng, thì vẫn **cần phải làm thủ tục vào tháng 7 hằng năm** (Koko chương trình toàn thời sẽ là lần thứ 2 đến lần thứ 4; Koko chương trình Teijisei sẽ là lần thứ 2 đến lần thứ 5), theo hình dưới đây.
- ◇ Vào tháng 7 hằng năm, học sinh cần chuẩn bị sẵn các loại giấy chứng minh thuế khóa, và phải nộp đơn cho nhà trường theo thời hạn quy định mà nhà trường thông báo riêng từng năm.
- ◇ Nếu không nộp đúng thời hạn quy định, thì cho dù có là đối tượng của chính sách Quỹ Hỗ Trợ Học Đường, thì có thể sẽ không được nhận sự hỗ trợ này.



【Tham khảo: Nếu nộp các loại giấy tờ ghi rõ Mã Số Cá Nhân (My Number) thì được lợi gì ?】

- Sau khi nộp giấy tờ xác minh mã số cá nhân (My Number), học sinh được xếp vào đối tượng được hỗ trợ tài chính học đường (nghĩa là được chấp thuận cho việc tài trợ này), và nếu tình hình của gia đình không có thay đổi, thì, **cho đến khi tốt nghiệp, trên nguyên tắc, không cần phải làm thủ tục làm đơn xin.**
- Cơ quan Giáo Dục của tỉnh sẽ sử dụng mã số cá nhân (My Number), tiến hành việc xác minh số tiền thuế theo thu nhập, nhằm thẩm tra xác nhận có là đối tượng của chính sách hay không, nhờ vậy mà sẽ **không còn rắc rối, không còn bị quên trong việc làm thủ tục việc làm thủ tục.**
- Cơ quan Giáo Dục của tỉnh sẽ sử dụng mã số cá nhân (My Number), tiến hành việc xác minh số tiền thuế theo thu nhập, nhằm thẩm tra xác nhận có là đối tượng của chính sách hay không, nhờ vậy mà sẽ **không cần học sinh phải lo chuẩn bị các loại chứng minh thuế khóa v.v...**

Mẫu hướng dẫn về cách điền đơn trong mục Đơn xin chứng nhận tư cách nhận Tiền Hỗ Trợ tài chính học đường

様式第1号 (その2) (第3条第1項並びに第10条第2項及び第11条第1項から第3項まで関係)

Xin ghi trong khung đậm

令和 3年 4月 1日

Ghi vào 4月1日

神奈川県教育委員会 殿

高等学校等就学支援金

Quý Hỗ Trợ Tài Chính học Đường - Koko



受給資格認定申請書 (初回時)

高等学校等就学支援金 (以下「就学支援金」といいます。) の受給資格の認定を申請します。

Đơn xin chứng nhận tư cách nhận (Lần đầu tiên)
Đơn xin chứng nhận tư cách nhận Tiền Hỗ Trợ tài chính học đường
(Dưới đây, được viết là "Quý Hỗ Trợ Tài Chính Học Đường")



収入状況届出書 (2回目以降)

既に受給資格認定を受けているため、就学支援金の支給に関して、保護者等の収入の状況に関する事項について、届け出ます。

Hãy đọc và xác nhận hai mục ghi bên dưới, và đánh dấu vào ô vuông



Xin xác nhận rằng nội dung ghi trong đơn xin hoặc đơn khai báo là hoàn toàn đúng sự thật.



Trong trường hợp khai man vào đơn xin hoặc đơn khai báo để nhận tiền từ Quý Hỗ Trợ Tài Chính Học Đường, tôi hiểu và chấp thuận việc sử phạt dành cho việc khai man này là bị trưng thu lại số tiền thu nhập bất chính, hoặc bị phạt tù dưới 3 năm hoặc bị phạt tiền dưới 1 triệu yen.

(以下の空欄に生徒本人が署名してください。保護者等による代筆も可能です。記入に当たっては、別紙の「記入上の注意」及び「留意事項」をよく読んでから記入してください。)

Ghi họ tên và ghi cách đọc họ tên của học sinh vào phần này
・ Học sinh tự ký Phụ huynh có thể ký thay

ふりがな	ばんごう	こたろう
姓	番号	名
生徒の氏名		子太郎

生徒の生年月日	昭和・平成 17 年 8 月 15 日
---------	---------------------

Ghi ngày tháng năm sinh của học sinh vào phần này

生徒の住所	〒231-0021 神奈川県 横浜 中区日本大通り1000
-------	----------------------------------

Ghi địa chỉ của học sinh vào phần này

保護者等の連絡先	父090-0000-0000 母080-0000-0000
----------	-------------------------------

Xin ghi số điện thoại của người bảo hộ để có thể liên lạc vào ban ngày

生徒が在学する学校の名称	神奈川県立〇〇〇〇〇学校
--------------	--------------

【1. 高等学校等の在学期間について】(収入状況届出書の場合は記入不要です。)

※ Những người nằm trong một ở các dạng dưới đây sẽ không được làm "Đơn xin chứng nhận tư cách nhận Tiền Hỗ Trợ Tài Chính Học Đường".

- ・ Người tốt nghiệp hoặc đã hoàn tất chương trình Trung học Cấp 3 (Koko; không tính người có hạn đi học dưới 3 năm) v..v...
- ・ Những người có tổng số thời gian đi học Trung học Cấp 3 (Koko) v..v... vượt quá 36 tháng (nếu là trường Teijisei / Vừa Học Vừa Làm, trường Tsushin / Hàm Thụ, thì tính với 3 phần 4) (Tuy nhiên, không bao gồm thời gian ngưng chu cấp Tiền Hỗ Trợ Tài Chính Học Đường)

Ghi tên trường nhập học vào
高等学校 (全日制)
高等学校 (定時制)
高等学校 (通信制)
中等教育学校 (後期課程)

①現在の学校の在学期間	学校名 神奈川県立 〇〇〇〇〇学校	年 月 日 ~ (うち支給停止期間等) 平成 年 月 日 ~平成 年 月 日	学校の種類・課程・学科 高等学校 (〇〇制)
②過去の学校の在学期間	学校名	平成 年 月 日 ~平成 年 月 日 (うち支給停止期間等) 平成 年 月 日 ~平成 年 月 日	学校の種類・課程・学科

Chỉ điền vào đây khi nào, trong quá khứ, đã có lần theo học tại các trường trung học cấp 2 (Koko)

Xin cũng nhớ ghi ở trang sau

【2. 保護者等の収入の状況について】 【2 . Về tình trạng thu nhập của người bảo hộ v.v...】

(1) Khu vực thời điểm chu cấp tiền hỗ trợ học đường

4月～6月 (前年度の課税証明書等を添付) 7月～翌年6月 (今年度の課税証明書等を添付)

(2) 申請又は届出時点における保護者等の状況 及び添付する課税証明書等については次のとおりです。

Tình trạng của người bảo hộ tại thời điểm ngày 1 tháng 4 là như sau:

(2)-1 Đính kèm loại giấy tờ minh chứng thuế khóa của những người giám hộ (cha mẹ v.v...) sau đây:

①	<input checked="" type="checkbox"/>	Người giữ quyền làm cha hoặc mẹ (cha mẹ) Phần 2 người	Trường hợp cả cha và mẹ đều có nộp thuế cư trú địa phương tính theo thu nhập, dù trong trường hợp có người phải đi làm ở xa một mình (trong nước Nhật), thì cũng phải nộp giấy chứng minh của cả hai người.
		Người giữ quyền làm cha hoặc mẹ Phần 1 người	(Xin đánh dấu "レ" vào một trong hai ô vuông□ của mục ア hoặc イ) (Trong trường hợp người có thẩm quyền làm cha mẹ là Sở Trưởng Trung Tâm Bảo Hộ Nhi Đồng, hoặc là Sở Trưởng Cơ Quan Phúc Lợi Nhi Đồng; xin đánh dấu "レ" vào một trong những ô vuông □ từ phần ④ đến phần ⑦)
②	<input type="checkbox"/> ア		Trường hợp một trong những người giữ quyền làm cha hoặc mẹ là đối tượng khấu trừ thuế cho người phối ngẫu, và rõ ràng là không có ảnh hưởng đến điều kiện về hạn chế mức thu nhập cho dù có phải nộp thuế cư trú địa phương.
	<input type="checkbox"/> イ		Trường hợp một trong những người giữ quyền làm cha hoặc mẹ, không bị đóng thuế cư trú vì không ở Nhật trong thời hạn buộc phải đóng thuế.
	<input type="checkbox"/> ウ		- Trường hợp chỉ có 1 người giữ quyền làm cha hoặc mẹ do ly dị hoặc người kia qua đời. - Vẫn có người giữ quyền làm cha hoặc mẹ, nhưng do sự tình riêng gia cảnh, mà không thể nộp giấy chứng minh thuế khóa của một người giữ quyền làm cha hoặc mẹ v.v...
③	<input type="checkbox"/>	Người giám hộ trẻ vị thành niên, phần □ người.	Trường hợp không có người giữ quyền làm cha hoặc mẹ, và có người được chọn làm giám hộ trẻ vị thành niên (Nếu có nhiều người được chọn làm giám hộ, thì phải nộp tất cả mọi người) (Trường hợp người giám hộ chỉ là tư cách pháp nhân, hoặc chỉ có quyền hạn hành xử liên quan đến vấn đề tài sản, thì loại trừ những người này ra)
④	<input type="checkbox"/>	Người duy trì lo liệu cho cuộc sống người học sinh (người duy trì sinh kế chính) phần 1 người	- Trường hợp không có người giữ quyền làm cha hoặc mẹ, hoặc không có người giám hộ - Các trường hợp như học sinh đã đến tuổi thành nhân, nhưng lại có người duy trì sinh kế chính
⑤	<input type="checkbox"/>	Bản thân học sinh	Đó là trường hợp không có người giữ quyền làm cha hoặc mẹ, không có người giám hộ, và cũng không có cả người duy trì sinh kế chính, - Trường hợp đã đến tuổi thành nhân - Các trường hợp như: là người vị thành niên nhưng lại có thu nhập để phải chịu thuế cư trú tại địa phương

Xin đánh dấu một trong các phần từ ① đến ⑦

Trường hợp không có người giữ quyền là cha hoặc mẹ, và có người được chọn làm người giám hộ, xin ghi số người đó.

(2)-2 Từ những lý do sau, không nộp các giấy tờ chứng minh thuế khóa.

⑥	<input type="checkbox"/>	Trường hợp đối tượng để được xác nhận có thu nhập là chính bản thân học sinh (không có người giữ quyền làm cha hoặc mẹ, người giám hộ cho trẻ vị thành niên hoặc người duy trì sinh kế chính), tuy nhiên học sinh này là vị thành niên và không có thu nhập để mà chịu thuế cư trú
⑦	<input type="checkbox"/>	Trường hợp cả người giữ quyền làm cha hoặc mẹ, người giám hộ cho trẻ vị thành niên, người duy trì sinh kế chính và cả học sinh, tất cả đều không bị đóng thuế cư trú vì không ở Nhật trong thời hạn buộc phải đóng thuế.

Ghi tên họ người giám hộ có đính kèm giấy tờ minh chứng thuế khóa, và sự liên hệ với học sinh (trường hợp đã đánh dấu vào mục ⑥ và ⑦ thì không cần)

しめい氏名	せいと そごら 生徒との続柄	しめい氏名	せいと そごら 生徒との続柄
番号 太郎	父	番号 花子	母

Xin ghi tên của người nộp giấy chứng minh thuế khóa và sự liên hệ với học sinh

※ Nếu có sự thay đổi như: thay đổi ngạch thuế <Thuế cư trú địa phương cấp tỉnh> và ngạch thuế <Thuế cư trú địa phương cấp thị xã > do có sự khai báo lại thu nhập, hoặc có việc tu chính ngạch thuế, hoặc sự thay đổi người bảo hộ do ly hôn, đã qua đời, hoặc kết nối cha mẹ nuôi v.v...; thì có thể xảy ra việc thay đổi ngạch chu cấp, do đó nhất định cần phải liên lạc với nhà trường.

【3. 確認事項】 【3 . Những điều xác nhận】

Hãy đọc và xác nhận các mục ghi bên dưới, và đánh dấu vào ô vuông □

Hãy đọc và xác nhận các mục ghi bên dưới, và đánh dấu vào ô vuông □

Đồng thời vào việc bổ xung tiền học phí bằng Quỹ Hỗ Trợ Tài Chánh Học Đường Dành Cho Học Sinh THPT-Koko, chúng tôi cũng xin đồng ý ủy nhiệm cho các vị trách nhiệm cơ sở học đường tiến hành các thủ tục hành chính cần thiết trong việc chu cấp của Quỹ Hỗ Trợ Tài Chánh Học Đường.

Trường tiếp nhận ngày, năm, tháng, ngày (điền tại trường)

保 証 書

ねん がつ 日に

かながわけんきょういっくいんかいきょういっくちよう どの
神奈川県教育委員会教育長 殿

せいと
生徒

れんたいほしようにん
連帯保証人

わたしは、県立学校の授業料等の徴収に関する条例第4条第2項の規定に基づき、上記生徒が指定した「連帯保証人」として、以下の規定を承認の上、上記生徒が、授業料を納付期限までに納付しないときは、上記生徒と連帯して入学以降一切の授業料を納付します。

- 1 連帯保証人の債務は、本保証書提出後に授業料増額があった場合の増額後の授業料にもおよびることに同意します。
2 連帯保証人の負担は、全日制は、授業料年額118,800円の6年分、定時制は、授業料年額32,400円の8年分を上限とすることに同意します。

注) 上記は、連帯保証人が保証する極度額(上限額)を定めたものです。生徒の在籍期間によって連帯保証人が保証する金額は変わりますが、一般的には、全日制の場合は3年間、定時制の場合は3年間又は4年間の在籍期間が予定されています。

- 3 連帯保証人は、住所の変更があった場合、直ちに債権者に対し、書面にてその旨及び新しい住所を通知します。
連帯保証人は、前項の通知を怠った場合、債権者からの通知が到達しなかった場合でも、通常到達すべきであったときに到達したものとみなすことに異議を述べません。

- 4 債権者の連帯保証人に対する、履行の請求(督促、催告、裁判上の請求等を含む。)その他の事由による時効の完成猶予、更新の効力は、生徒にもおよびることに同意します。

Table with 4 rows and 4 columns for guarantor information: フリガナ, 氏名, 生年月日, 住所, 勤務先, 所在地, 生徒との続柄, 電話番号.

- 注1 連帯保証人は、生徒の生計を維持する親権者となります。
注2 連帯保証人の氏名は、連帯保証人となる親権者が必ず署名してください。

私(生徒)は、以下の規定を承認の上、授業料を納付期限までに納付します。

- 1 債権者の連帯保証人に対する、履行の請求(督促、催告、裁判上の請求等を含む。)その他の事由による時効の完成猶予、更新の効力は、生徒にもおよびることに同意します。
2 連帯保証人からの請求に基づき、債権者が連帯保証人に対し、遅滞なく、授業料の支払状況等に関する情報(主債務の元本及び主債務に関する利息の金額、その他債務に従たる全てのものについての不履行の有無並びにこれらの残額及びそのうち弁済期が到来しているものの額に関する情報)を提供することにあらかじめ同意します。

Table with 4 rows and 4 columns for student information: フリガナ, 氏名, 住所, 電話番号.

- 注 生徒の氏名は、生徒本人が必ず署名してください。

Sự bảo đảm

Năm tháng ngày

Hội đồng giáo dục tỉnh Kanagawa Giám đốc giáo dục

Bản thân sinh viên _____

người bảo lãnh chung _____

Dựa trên quy định ở Điều 4 Mục 2 của Điều Lệ liên quan đến việc trung thu học phí v.v... ở các trường do tỉnh quản trị; tôi, <Người Bảo Đảm Liên Đới> mà học sinh nói trên chỉ định, chấp nhận những quy định ghi dưới, đồng thời khi học sinh nói trên không nộp được tiền học phí đúng thời hạn nộp, thì tôi sẽ liên đới với học sinh nói trên đóng toàn bộ số học phí từ khi vào trường.

1. Đồng ý với việc món nợ của Người Bảo Đảm Liên Đới, sau khi nộp Biên Bản Bảo Đảm này, mà tiền học phí nếu có tăng, sẽ bao gồm cả phần học phí sau khi đã tăng.

2. Đồng ý phần phụ đảm của Người Bảo Đảm Liên Đới, với mức trần phải trả cho 6 năm học phí 118,800 yen mỗi năm, nếu là học sinh theo chương trình toàn thời (Zennissei); hoặc cho 8 năm học phí 32,400 yen mỗi năm, nếu là học sinh theo chương trình vừa học vừa làm (Teijisei). Lưu ý: Điều ghi ở trên đây là quy định về mức cực trần (hết mức) mà Người Bảo Đảm Liên Đới cam kết. Tùy theo thời gian có tên trong danh sách học sinh, kim ngạch mà Người Bảo Đảm Liên Đới cam kết sẽ thay đổi, nhưng thông thường thì học sinh theo chương trình toàn thời (Zennissei) dự định sẽ là 3 năm, và học sinh theo chương trình vừa học vừa làm (Teijisei) dự định sẽ là 3 năm hoặc 4 năm.

3. Khi có sự thay đổi địa chỉ, Người Bảo Đảm Liên Đới ngay lập tức phải thông báo cho Bên Được Chi Trả bằng văn bản có ghi nội dung đó và địa chỉ mới.

Nếu sao lãng việc thông báo như phần vừa nói trên, Người Bảo Đảm Liên Đới sẽ không được khiếu nại, ngay cả việc thông tri từ Bên Được Chi Trả không đến được, nhưng vẫn được xem như là thông báo đã đến như mọi lúc bình thường.

4. Đồng ý với việc Bên Được Chi Trả sẽ yêu cầu thực hiện nghĩa vụ đầy đủ đối với Người Bảo Đảm Liên Đới (bao gồm cả thông tri đốc thúc, thông báo cảnh cáo hoặc yêu cầu ra tòa v.v...), việc trì hoãn hoàn thành trong thời gian có hiệu lực do có nguyên do, hiệu lực đổi thay có ảnh hưởng đến học sinh.

Người bảo lãnh chung	フリガナ				Mối liên hệ cùng học sinh	
	Họ tên					
	Sinh nhật	Năm	tháng	ngày		
	Địa chỉ đường phố	〒	—		Số điện thoại	
	Địa chỉ hãng	Tên hãng				Số điện thoại
vị trí		〒	—			

Lưu ý 1: Người Bảo Đảm Liên Đới là người có quyền làm cha mẹ để duy trì cuộc sống của học sinh.

Lưu ý 2: Người có quyền làm cha mẹ đứng tên làm Người Bảo Đảm Liên Đới nhất định phải ký danh ở chỗ khung Tên Họ của Người Bảo Đảm Liên Đới.

Tôi (học sinh) xin chấp nhận những quy định ghi dưới, và xin đóng tiền học phí đúng theo kỳ hạn đóng tiền.

1. Đồng ý với việc Bên Được Chi Trả sẽ yêu cầu thực hiện nghĩa vụ đầy đủ đối với Người Bảo Đảm Liên Đới (bao gồm cả thông tri đốc thúc, thông báo cảnh cáo hoặc yêu cầu ra tòa v.v...), việc trì hoãn hoàn thành trong thời gian có hiệu lực do có nguyên do, hiệu lực đổi thay có ảnh hưởng đến học sinh.

2. Đồng ý với việc, dựa trên việc yêu cầu từ Người Bảo Đảm Liên Đới, Bên Được Chi Trả sẵn sàng và không chậm trễ, cung cấp những thông tin liên hệ đến tình trạng chi trả học phí v.v... cho Người Bảo Đảm Liên Đới (những thông tin liên quan đến tiền vốn của người nợ chính, kim ngạch lợi tức liên quan đến người nợ chính, về những việc như có hay không việc chưa thanh toán về tất cả những món nợ khác, cũng như số tiền còn lại và kim ngạch những thứ nợ đáo hạn phải trả trong những món nợ).

Bản thân sinh viên	フリガナ				
	Họ tên				
	Số điện thoại	〒	—		Số điện thoại

Lưu ý: Về Tên Họ của học sinh, bản thân học sinh nhất định phải tự viết.

しよるい しちょうそん やくば まどぐち ていしゅつ
この書類を市町村役場の窓口に提出してください

Hãy nộp những giấy tờ sau tại cơ quan hành
chính địa phương

こうとうがっこうとうしゅうがくし えんきん かかわ かぜいしょうめいしょ ほそく
高等学校等就学支援金に係る課税証明書(補足)

はっこう
の発行について

VỀ VIỆC CẤP PHÁT GIẤY CHỨNG THUẾ KHÓA (BỔ TÚC) LIÊN QUAN ĐẾN
QUỸ HỖ TRỢ TÀI CHÁNH HỌC ĐƯỜNG - KOKO (CẤP III)

◆ かぜい ひかぜい しょうめいしょ しゅうがくし えんきん しんせい ほごしゃ かた
課税(非課税)証明書で就学支援金の申請をする保護者の方へ

◆ GỞI QUÝ PHỤ HUYNH LÀM ĐƠN XIN QUỸ HỖ TRỢ TÀI CHÁNH HỌC ĐƯỜNG
BẰNG GIẤY CHỨNG MINH THUẾ KHÓA (HOẶC MIỄN THUẾ)

かぜい ひかぜい しょうめいしょ はっこう うけるさい ようし すまい
課税(非課税)証明書の発行を受ける際には、この用紙を、お住まい

の市区町村の税担当部署に提示してください。

Khi đi làm giấy chứng minh thuế khóa (hoặc miễn thuế), xin quý vị hãy
đưa bản giấy này cho phòng trách nhiệm về thuế vụ tại cơ quan hành
chánh nơi quý vị cư trú.

◆ 市区町村の税担当部署の方へ

この用紙の提示を受けましたら、課税（非課税）証明書に加えて、裏面の「高等学校等就学支援金に係る課税証明書（補足）」またはこれに代わる書面を発行していただきますようお願いいたします。

※ 課税（非課税）証明書により、「課税所得額（課税標準額）」及び「調整控除の額」の確認ができる場合は、裏面の様式の発行は不要です。

※ 裏面の様式を発行する場合は、書面の真正性の確保の観点から、原則、公印を押印してください。

万が一、公印の押印が難しい場合は、通常の再生紙等ではなく、各市町村で発行されたことが分かる用紙（レターヘッド付き用紙や偽造・改ざん防止処理を施した用紙等に印刷したもの等）を使用してください。

上記の用紙の使用も難しい場合は、少なくとも、市区町村名や担当部局課名の欄に、市区町村名や担当部局課名のゴム印を押印して発行してください。

といあわせさき かながわけんりつ
問合せ先 神奈川県立

がっこう じむしつ でんわ
学校 事務室 電話

殿

(氏名)

高等学校等就学支援金に係る課税証明書（補足）

高等学校等就学支援金の支給に関する法律その他の関係法令に基づき実施される、高等学校等就学支援金の支給に関して、その申込等の手続きのため照会があった事項のうち、添付の課税証明書等に記載のない以下の事項（マイナンバー制度において情報連携を行うデータ項目等を定めた「データ標準レイアウト様式 B-002（地方税法その他の地方税に関する法律に基づく条例の規定により算定した税額若しくはその算定の基礎となる事項に関する情報）」における定義によるものとします。）については、下記の通りです。

令和 2 年度（令和 元 年分）の所得等

● 課税所得額（課税標準額） 円

※ 課税総所得金額やその他の課税所得金額が課税証明書に記載されており、これらを合計することにより課税所得額（課税標準額）が分かる場合には記載の必要はありません。

(税額控除 内訳)

● 調整控除の額 円

※市町村民税相当分

日付 令和 年 月 日

市区町村名

担当部局課名

公印